

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Số: 25/2017/HNGĐ - ST
Ngày 26 tháng 9 năm 2017
"V/v tranh chấp hôn nhân gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim Thanh và bà Trần Thị Thanh Tâm.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2017/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017, về việc: Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (có mặt);

Bị đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Nguyễn Xuân T trình bày:

Anh và chị Hoàng Thị L kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 02 năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã H. Trước khi kết hôn, cả hai anh chị đều được tự do tìm hiểu và chưa ai kết hôn lần nào. Sau ngày cưới, chị L về làm dâu gia đình anh ngay. Quá trình chung sống, ban đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do, trong cuộc sống giữa anh và chị L không hiểu nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, sống mất niềm tin và thiếu sự chia sẻ lẫn nhau. Tháng 9 năm 2016, chị L

đã tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống, từ đó đến nay anh và chị L sống ly thân nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị L.

Về con chung: Anh T xác định, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 21/01/2012 và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 17/9/2014, hiện nay các con đều đang ở với anh. Ly hôn, nguyện vọng của anh là xin được nuôi cả hai con. Tại phiên tòa, anh yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng đối với hai con. Kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi các con thành niên.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở; đất canh tác; công nợ và công sức: Tại phiên tòa, anh T xác định vợ chồng không có gì nên ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết. Còn về công sức anh T xác định, chị L về làm dâu gia đình anh thời gian ngắn do vậy chị L chưa có công sức gì đóng góp cùng với gia đình anh. Bản thân vợ chồng cũng không có công sức gì nên ly hôn anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Hoàng Thị L có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 19/9/2017, chị L trình bày:

Chị xác định thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống như lời trình bày trên của anh T là đúng. Tuy nhiên, theo chị L thì nguyên nhân mà vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc chị phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống là do anh T đánh đuổi chị. Tháng 6 năm 2016, chị bỏ về nhà ngoại sống, lúc chị đi anh T không cho chị mang con theo nên vợ chồng sống ly thân nhau từ cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay anh T xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Chị L xác định, vợ chồng có 02 con chung như lời trình bày trên của anh T là đúng, hiện nay các con đang ở với anh T. Ly hôn, nguyện vọng của chị là xin được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Nếu như anh T nhất quyết xin nuôi cả hai con thì chị tự nguyện giao các con cho anh T nuôi dưỡng. Anh T yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)/tháng. Kể từ tháng 8 năm 2017 cho đến khi các con thành niên, chị không đồng ý. Bởi hiện tại chị không có công ăn việc làm, thu nhập bấp bênh nên chị không có khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của anh T được. Vì vậy chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con cùng với anh T là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng.

Về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Chị L xác định vợ chồng không có gì nên ly hôn chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán; Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã làm đầy đủ và tuân theo đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do vậy, đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82; 83; 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Xuân T, cho anh T được ly hôn với chị Hoàng Thị L. Giao cho anh T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 21/01/2012 và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 17/9/2014. Chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T mức 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/tháng đối với hai con, kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi các con thành niên. Không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của chị L.

Còn về các mối quan hệ nhân thân khác như tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Anh T và chị L không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Xuân T là nguyên đơn, yêu cầu xin ly hôn đối với bị đơn là chị Hoàng Thị L. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T và chị L đều thừa nhận, anh chị kết hôn với nhau vào ngày 18 tháng 02 năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự.

Chị Hoàng Thị L là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng do bận công việc nên chị L không tham gia phiên tòa được. Vì vậy, chị L đã có đơn xin giải quyết vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Hoàng Thị L.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh T xác định, tình cảm vợ chồng giữa anh và chị L không còn và không thể hàn gắn lại được với nhau nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L. Căn cứ vào lời trình bày của anh T và chị L trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Nguyễn Xuân T và chị Hoàng Thị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Trước khi kết hôn, anh T và chị L đều được tự do tìm hiểu và chưa ai kết hôn lần nào. Do vậy, cần xác định đây là cuộc hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, anh T và chị L đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do, trong cuộc sống anh chị không hiểu nhau dẫn đến bất đồng quan điểm rồi sống mất niềm tin nên thiếu sự chia sẻ. Cuối năm 2016, chị L bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống cho nên vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, cả anh T và chị L không còn ai quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Khi anh T xin ly hôn, chị L đồng ý. Chứng tỏ, tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị L đã dần nứt đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xác định yêu cầu xin ly hôn của anh T là có căn cứ nên cần chấp nhận và cho anh T được ly hôn với chị Hoàng Thị L.

Về con chung: Anh T và chị L đều thừa nhận, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 21/01/2012 và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 17/9/2014, hiện các con đều đang ở với anh T. Ly hôn cả anh T và chị L đều có nguyện vọng xin được nuôi hai con. Tại phiên tòa, anh T yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh 1.000.000 đồng /tháng (Một triệu đồng), kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi các con thành niên. Do anh T kiên quyết xin nuôi cả hai con nên chị L tự nguyện giao hai con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đồng thời chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng với anh T 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng). Xét thấy, việc nuôi dạy con là quyền lợi và cũng là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Nguyện vọng của anh T là xin được nuôi cả hai con và việc chị L tự nguyện giao cả hai con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ vào các điều 81; 82; 83; 107 và Điều 110 của Luật hôn nhân, Hội đồng xét xử cần chấp nhận, giao cho anh T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B và cháu Q. Chị L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng với anh T mức 1.000.000 đồng/tháng (Một triệu đồng). Kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi hai con thành niên; không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của chị L.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất ở, đất canh tác; công nợ và công sức: Anh T và chị L đều xác định vợ chồng không có gì, ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Xuân T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Hoàng Thị L phải chịu toàn bộ án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51; 56; 81; 82; 83; 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 của Bộ Luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Xuân T được ly hôn với chị Hoàng Thị L.

2/ Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Ngọc B, sinh ngày 21/01/2012 và Nguyễn Nhật Q, sinh ngày 17/9/2014 cho anh Nguyễn Xuân T được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hoàng Thị L phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng với anh T mỗi tháng 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi các con thành niên; không ai được cản trở việc thăm nom và chăm sóc con chung của chị L.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3/ Về án phí: Anh Nguyễn Xuân T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001774 ngày 27 tháng 6 năm /2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc, anh T đã nộp đủ. Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b

và 9 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THA.DS huyện Yên Lạc;
- Các đương sự;
- UBND xã Hồng Châu;
- Lưu HS, VT;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Bích Hạnh

